

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS- ST
Ngày: 25 - 7- 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hụi .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm
2. Bà Phạm Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị X, sinh năm 1953, Địa chỉ ấp Thanh Sơn 1, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; địa chỉ khu phố A thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị Thanh L, sinh năm 1984

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh P, chị L có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Hồ Thị X và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Trong đơn khởi kiện bà X yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị Thanh L liên đới trả cho bà gồm: 65 chỉ vàng 24k, vàng 9999, không yêu cầu tính lãi và 181.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính lãi.

Bà X cho anh T, chị L mượn vàng cụ thể như sau: Ngày 30/5/2019 anh T và chị L mượn 25 chỉ vàng 24k vàng 9999. Ngày 30/12/2019 âm lịch anh T và chị L mượn 35 chỉ vàng 24k vàng 9999. Cả hai lần mượn này đều do anh T và chị L mượn có ghi giấy nợ. Ngày 01/01/2020 âm lịch anh T và chị L mượn thêm 05 chỉ vàng 24k vàng 9999. anh T và chị L mượn có nhận vàng nhưng không có ký tên, bà X chỉ nhờ người ghi thêm trên góc dưới trái của giấy mượn vàng 30/12/2019 âm lịch để theo dõi. Tổng cộng ba lần mượn là 65 chỉ vàng 24k vàng 9999. Hai bên thỏa thuận khi nào bà X có nhu cầu lấy lại vàng thì báo trước cho vợ chồng chị L 10 ngày để trả. Ngày 01/ 01/ 2021 bà X báo với vợ chồng chị L đòi lại toàn bộ số vàng nêu trên để trị bệnh, vợ chồng chị L hẹn nhưng né tránh không trả, đến nay vợ chồng chị L và anh T chưa trả số vàng nào cho bà X.

Bà Hồ Thị X có tham gia hụi do chị Ngô Thị Thanh L làm đầu thảo gồm: Dây 1 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 19-6-2019al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 13 tháng hụi sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 13 tháng $\times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 26.000.000 \text{ đồng}$, tính đến ngày 19-6-2020al, hụi mãn vào ngày 19-01-2021 al, trong giấy hụi ghi tên Dì 10. Dây 2 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 19-6-2019al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 13 tháng hụi sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 13 tháng $\times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 26.000.000 \text{ đồng}$, tính đến ngày 19-6-2020al, hụi mãn vào ngày 19-01-2021 al, trong giấy hụi ghi tên Dì 10. Dây 3 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15-4-2016al, tháng 4 sau, gồm 16 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 06 tháng hụi sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 06 tháng $\times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 12.000.000 \text{ đồng}$, tính đến ngày 15-10-2020al, hụi mãn vào ngày 15-7-2021 al, trong giấy hụi ghi tên Dì 10. Dây 4 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 19-4-2016al, tháng 4 trước, gồm 19 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 07 tháng hụi sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 07 tháng $\times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 14.000.000 \text{ đồng}$, tính đến ngày 15-9-2020al, hụi mãn vào ngày 15-9-2021 al, trong giấy hụi ghi tên Dì 10. Dây 5 là hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15-11-2016al, gồm 18 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 08 tháng hụi sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 08 tháng $\times 2.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 32.000.000 \text{ đồng}$, tính đến ngày 15-6-2020al, hụi mãn vào ngày 15-4-2021 al, trong giấy hụi ghi tên Dì 10. Dây 6 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 06-3-2019al, gồm 26 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 06 tháng hụi sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 06 tháng $\times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 12.000.000 \text{ đồng}$, tính đến ngày 06-8-

2019al, hui măn vào ngày 06-4-2021 al, trong giấy hui ghi tên chị 10 lá dừa. Dây 7 là hui 1.000.000 đồng, khai ngày 01-02-2020al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 06 tháng hui sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 06 tháng x 1.000.000 đồng x 02 phần = 12.000.000 đồng, tính đến ngày 01-7-2020al, hui măn vào ngày 01-9-2021 al, trong giấy hui ghi tên Dì 10. Dây 8 là hui 1.000.000 đồng, khai ngày 09-01-2020al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 06 tháng hui sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 06 tháng x 1.000.000 đồng x 02 phần = 12.000.000 đồng, tính đến ngày 09-6-2020al, hui măn vào ngày 09-8-2021 al, trong giấy hui ghi tên Dì 10. Dây 9 là hui 500.000 đồng, khai ngày 01-5-2020al, gồm 18 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 07 tháng hui sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 07 tháng x 500.000 đồng x 02 phần = 7.000.000 đồng, tính đến ngày 10-10-2020al, hui măn vào ngày 01-12-2022 al, trong giấy hui ghi tên Dì 10. Dây 10 là hui 500.000 đồng, khai ngày 01-5-2020al, gồm 18 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 07 tháng hui sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 07 tháng x 500.000 đồng x 02 phần = 7.000.000 đồng, tính đến ngày 10-10-2020al, hui măn vào ngày 01-12-2022 al, trong giấy hui ghi tên Dì 10. Dây 11 là hui 500.000 đồng, khai ngày 19-4-2019al, tháng 4 trước gồm 21 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 07 tháng hui sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 07 tháng x 500.000 đồng x 02 phần = 7.000.000 đồng, tính đến ngày 19-9-2019al, hui măn vào ngày 19-11-2020 al, trong giấy hui ghi tên Dì 10. Dây 12 là hui 1.000.000 đồng, khai ngày 19-4-2019al, gồm 17 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, đóng được 06 tháng hui sống tính cả gốc và lãi bà X đóng được 07 tháng x 1.000.000 đồng x 02 phần = 14.000.000 đồng, tính đến ngày 19-9-2019al, hui măn vào ngày 19-7-2020 al, trong giấy hui ghi tên Dì 10. Tổng cộng chị L còn thiếu tiền hui của bà X là 181.000.000 đồng. Ngày 21/01/2021 chị L tuyên bố vỡ hui, chị L và anh T cam kết sẽ thanh toán số vàng và tiền hui như trên cho bà X trong thời hạn 30 ngày đến ngày 21/02/2021 nhưng đến nay chị L, anh T không thanh toán. Chị L mượn vàng và chơi hui để phục vụ kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa anh P đại diện bà X rút yêu cầu khởi kiện đối với 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 là số vàng anh T và chị L mượn có nhận vàng nhưng không có ký tên, mượn ngày 01/01/2020 al. Tại phiên tòa anh P đại diện bà X rút yêu cầu khởi kiện đối với các dây hui: Dây 2 là dây hui 1.000.000 đồng khai ngày 19-6-2019al số tiền 26.000.000 đồng; Dây 6 là dây hui 1.000.000 đồng khai ngày 06-3-2019al số tiền 12.000.000 đồng; Dây 9 là dây hui 500.000 đồng khai ngày 01-5-2020al số tiền 7.000.000 đồng; Dây 10 là dây hui 500.000 đồng khai ngày 01-5-2020al số tiền 7.000.000 đồng; Dây 11 là dây hui 500.000 đồng khai ngày 19-4-2019al số tiền

7.000.000 đồng; Dây 12 là dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 19-4-2019al trước số tiền 14.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi rút yêu cầu là 73.000.000 đồng.

Nay anh đại diện bà X chỉ yêu cầu anh T và chị L liên đới trả cho bà X gồm: 60 chỉ vàng 24k, vàng 9999, không yêu cầu tính lãi và 108.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chỉ Ngô Thị Thanh L trình bày:

Bà Hồ Thị X là dì ruột của chị với biệt danh là dì 10 lớn vì nhà bà có 02 dì 10. Dì 10 lớn của chị không có chồng con không nhà ở không nơi đăng ký thường trú, sinh sống bằng nghề đi ghe vì tuổi cao nên ghe hư lên bờ sinh sống. Đến năm 2020 dì 10 lớn về xin chị cho ở nhờ và xin nhập hộ khẩu và đăng ký thường trú chung với chị để làm giấy chứng minh và mua bảo hiểm trị bệnh. Vào ngày 30/5/2019 chị có viết giấy mượn 25 chỉ vàng 24k 9999 của bà X nhưng là do mượn nhiều lần mỗi lần vài chỉ vào ngày này cộng dồn lại tổng cộng là 25 chỉ, bà X cho chị mượn có lấy lãi mỗi tháng 10%/01 chỉ vàng qui ra tiền theo giá thị trường được bao nhiêu bà X đóng hụi bà X chơi của chị làm đầu thảo nếu còn dư thì chị trả cho bà X. Giấy mượn ngày 30/5/2019 mà bà X cung cấp là do chị viết chị có ký tên, ghi họ tên còn chữ ký của anh T là do chị kêu con của chị ký tên, không phảo chữ ký của anh T. Vào ngày 30/12/2019al chị có mượn thêm của bà X 10 chỉ vàng 24k 9999, lý do chị viết giấy mượn 35 chỉ vàng 24k vàng 9999 của bà X là do còn lại lần mượn ngày 30/5/2019 số vàng 25 chỉ, bà X cho mượn vàng đều lấy lãi như chị trình bày. Chị thừa nhận còn nợ bà X 35 chỉ vàng và đồng ý trả.

Bà X có tham gia chơi hụi do chị làm chủ hụi là 6 dây hụi gồm dây 1, dây 3, dây 4, dây 5, dây 7, dây 8. Trong đó: Dây 1 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 19-6-2019al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, bà X đóng được 12 tháng, bà X đã hốt hụi và chị đã thanh toán xong. Dây 3 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15-4-2016al, tháng 4 sau, gồm 16 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, bà X đóng được 01 tháng hụi sống và chị đã trả tiền lại cho bà X do chị ngưng hụi vào tháng 5 năm 2020 al. Dây 4 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 19-4-2016al, tháng 4 trước, gồm 19 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, bà X đóng được 02 tháng hụi sống và chị đã trả tiền lại cho bà X do chị ngưng hụi vào tháng 5 năm 2020 al. Dây 5 là hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15-11-2019al, gồm 15 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, bà X đóng được 07 tháng hụi sống và bà X đã hốt 02 phần hụi và chị đã thanh toán với bà X xong. Dây 7 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 01-02-2020al, danh sách hụi chỉ khoảng 15,16 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, bà X đóng được 04 tháng hụi sống và chị đã trả tiền lại cho bà X do chị ngưng hụi vào tháng 5 năm

2020 al. Dây 8 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 09-01-2020al, danh sách hụi chỉ khoảng 15,16 phần, bà X tham gia 02 phần, bà X đóng được 05 tháng hụi sống và chị đã trả lại tiền cho bà X do chị ngưng hụi vào tháng 5 năm 2020 al. Đối với dây 2 chủ hụi khác hoàn toàn, dây 6, dây 10, 11 như nguyên đơn yêu cầu, nguyên đơn không có giấy hụi, chị không có mở dây hụi này. Dây 9 là hụi tuần 300 ngàn chứ không phải hụi tháng 500.000 đồng. Chị ngưng hụi vào tháng 5 năm 2020 al. Chị không đồng ý theo yêu cầu của bà X đối với số tiền hụi như bà X yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Ngô Thị Thanh L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nhưng không nhớ năm nào, vợ chồng anh có con chung, đứa lớn hiện nay đã trên 18 tuổi. Anh không biết việc chị L vợ của anh có vay vàng của bà Xâm hay không, anh cũng không có ký tên vào giấy mượn vàng; đối với tiền hụi anh cũng không biết bà X có tham gia chơi hụi với chị L hay không. Anh không đồng ý theo yêu cầu của bà X nhưng nếu chị L có thiếu tiền hụi và vàng của bà X thì anh đồng ý liên đới cùng chị L trả cho bà X.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Ngô Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn trả cho bà Hồ Thị X 60 chỉ vàng 24k 9999 và tiền nợ hụi là 76.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 mượn ngày 01/01/2020 al và 73.000.000 đồng tiền hụi là tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ là phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Đối với vàng vay: Tại tờ giấy không tiêu đề ghi ngày 30-5-2019 có nội dung “Tôi tên L có mượn của dì 10 25 chỉ vàng ngày 30.5.2019...” bên dưới ký tên ghi Nguyễn Văn T, Ngô Thị Thanh L. Tại tờ giấy không tiêu đề ghi ngày 30-12-2019 al có nội dung “Tôi tên Ngô Thị Thanh L có mượn của dì 10 tôi với 35 chỉ vàng ngày 9999...” bên dưới ký tên ghi Nguyễn Văn T, Ngô Thị Thanh L. Phía nguyên đơn cho rằng anh T và chị L mượn vàng và viết giấy nợ vào ngày 30-5-2019, ngày 30-12-2019 al nhưng đến nay không trả lại. Bị đơn chị L thừa nhận có viết giấy nợ có ký tên vào giấy nợ nhưng chỉ nhận 25 chỉ vàng tại giấy nợ ngày 30-5-2019, vào ngày 30/12/2019al chị có mượn thêm của bà X 10 chỉ vàng 24k 9999, lý do chị viết giấy mượn 35 chỉ vàng 24k vàng 9999 của bà X là do còn lại lần mượn ngày 30/5/2019 số vàng 25 chỉ, bà X cho mượn vàng đều lấy lãi như chị trình bày nên không đồng ý trả. Xét thấy, chị L cho rằng có ký tên vào giấy nợ là tự nguyện, chị L cho rằng chỉ có nhận vàng từ bà X là 35 chỉ nhưng chị L không chứng minh được việc chị không có nhận đủ 60 chỉ vàng như trong giấy nhận nợ. Chị L cho rằng khi mượn vàng có thỏa thuận lãi 10%/01 chỉ vàng/01 tháng, qui ra tiền theo giá thị trường để đóng hụi còn dư bao nhiêu chị trả cho bà X nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và chị L cũng không có chứng cứ chứng minh việc chị có đóng lãi nên lời trình bày của chị L không có cơ sở. Như vậy, việc chị L vay vàng của bà X là có thật nên có căn cứ để xác định đến thời điểm này chị L còn nợ bà X số vàng vay là 60 chỉ vàng 24k 9999 và việc chị L không thanh toán nợ như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà X. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc chị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà X số vàng vay 60 chỉ vàng 24 k 9999 đồng là phù hợp.

Đối với tiền hụi: Dây 1 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 19-6-2019al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần, phía nguyên đơn cho rằng đóng 13 lần nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn đóng 12 tháng, bị đơn cho rằng bà X đã hốt hụi nhưng không có chứng cứ chứng minh nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền của 12 tháng nguyên đơn đã đóng. Dây 3 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15-4-2016al, tháng 4 sau, gồm 16 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần. Phía nguyên đơn cho rằng đóng 6 lần nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn đóng 01 tháng, bị đơn cho rằng đã trả tiền lại cho bà X nhưng không có chứng cứ chứng minh nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền của 01 tháng nguyên đơn đã

đóng. Dây 4 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 19-4-2016al, tháng 4 trước, gồm 19 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần. Phía nguyên đơn cho rằng đóng 6 lần nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn đóng là 02 tháng, bị đơn đã trả tiền lại cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền của 02 tháng nguyên đơn đã đóng. Dây 5 là hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15-11-2016al, gồm 18 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần. Phía nguyên đơn cho rằng đóng 8 lần nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn đóng là 07 tháng, bị đơn cho rằng bà X đã hốt nhưng không có chứng cứ chứng minh nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền của 07 tháng nguyên đơn đã đóng. Dây 7 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 01-02-2020al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần. Phía nguyên đơn cho rằng đóng 6 lần nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn đóng 04 tháng, bị đơn cho rằng bà X đã hốt nhưng không có chứng cứ chứng minh nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền của 04 tháng nguyên đơn đã đóng. Dây 8 là hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 09-01-2020al, gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần, bà X tham gia 02 phần. Phía nguyên đơn cho rằng đóng 06 lần nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn đóng 05 tháng, bị đơn cho rằng chị đã trả lại tiền cho bà X do chị ngưng hụi vào tháng 5 năm 2020 al nhưng không có chứng cứ chứng minh nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền của 05 tháng nguyên đơn đã đóng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền góp hụi và lãi hụi hàng tháng của từng phần hụi bằng với số tiền theo từng loại dây hụi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 06 dây hụi trong đó dây 1 là 24.000.000 đồng, dây 3 là 1.000.000 đồng. dây 4 là 4.000.000 đồng. dây 5 là 28.000.000 đồng, dây 7 là 8.000.000 đồng. dây 8 là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 73.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi là tự nguyện nên ghi nhận.

Nguyên đơn cho rằng có tham gia hụi các dây hụi và góp hụi đầy đủ nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền hụi là 32. 000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn T là chồng chị L mặc dù không có cơ sở khẳng định anh T vay vàng của bà X, cũng như không trực tiếp tham gia hợp đồng góp hụi với bà X, tuy nhiên việc chị L vay vàng, chơi hụi là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình và anh T cũng cho rằng nếu chị L có nợ bà X thì anh đồng ý liên đới cùng chị L trả nợ cho bà X, do đó căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh Nguyễn Văn T phải liên đới cùng với chị L trả nợ cho bà X số vàng vay là 60 chỉ vàng 24 9999 và 76.000.000 đồng tiền hụi là phù hợp.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị L, anh T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định; biết rằng giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.200.000 đồng 01 chỉ vàng 24k . Đối với bà X được miễn nộp do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Xét về quan điểm đại diện Viện kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị X đối với chị Ngô Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn trả 05 chỉ vàng 24k (9999) và tiền hui là 73.000.000 (Bảy mươi ba triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị X đối với chị Ngô Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn trả là 32. 000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng tiền hui.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị X.

Buộc chị Ngô Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn trả cho bà Hồ Thị X 60 chỉ vàng 24k (9999) và số tiền hui là 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng, ghi nhận bà X không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Ngô Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn T phải liên đới nộp số tiền án phí là 19.400.000 (Mười chín triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Bà Hồ Thị X được miễn nộp án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Dương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

